TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Công Du;
2. Bà Trần Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Hải Hà là thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 490/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, đăng kí hộ khẩu thường trú: Khu X, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đình H, trú tại: Khu X, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 02 năm 2020 và các bản tự khai tại Tòa án của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình H xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có

đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống cùng với bố mẹ anh H tại Khu X, thị trấn T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Thời gian 01 năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận. Quá trình chung sống tiếp theo vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh H sống không tu chí gia đình, anh H chơi bời nghiện ma túy. Chị khuyên can và cho anh H cơ hội để vợ chồng đoàn tụ và sinh con thứ hai nhưng anh H không thay đổi cách sống, chị về nhà bố mẹ đẻ ở khu H, thị trấn A, huyện A ở và sống ly thân với anh H từ năm 2013 đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân chị nuôi con nhỏ, chị gửi con cho bố mẹ đẻ chăm sóc, sau đó chị gửi con cho mẹ anh H chăm sóc để chị đi làm xa nhà và gửi tiền về nuôi con. Do vợ chồng sống ly thân nhau nhiều năm, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

Về con chung: Chị H trình bày chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2010 và Nguyễn Đình Anh D, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2012, anh H nuôi 02 con từ năm 2013. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị đề nghị được nuôi con Nguyễn Đình Anh D và nhường anh H nuôi con Nguyễn Đình Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi cho nhau nhưng anh H không đồng ý và 02 con chung có ý kiến ở với anh H nên chị nhường anh H nuôi 02 con chung và chị cấp dưỡng nuôi mỗi con là 750.000đ/tháng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về tài sản chung: Chị H trình bày chị và anh H không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị H trình bày vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình H có lời khai thể hiện: Anh thống nhất với lời khai của Chị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không dung hòa. Đến giữa năm 2013 Chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh có tìm nhưng Chị H không quay về đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Anh xét thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ với nhau nhưng vợ chồng chưa thỏa thuận được với nhau về công nợ nên Chị H xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn Chị H.

Về con chung: Anh H trình bày anh thống nhất vợ chồng có 02 con chung, họ tên tuổi các con như Chị H trình bày. Anh nuôi 02 con từ khi vợ chồng sống ly thân và được sự hỗ trợ chăm sóc của bố mẹ anh, Chị H không có trách nhiệm với con chung. Nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi 02 con và anh nhất trí việc Chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H trình bày anh và Chị H không có tài sản chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng có khoản nợ 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) mua xe Lead trả góp từ năm 2012, sau khi mua xe anh đã bán xe được 10.000.000đ (mười triệu đồng). Hiện anh mất hết giấy tờ, hợp đồng mua bán xe. Khoản tiền trên vợ chồng cùng chi tiêu trong gia đình nên anh đề nghị Chị H có trách nhiệm cùng anh trả số nợ trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Đình H vắng mặt tại phiên họp và tại phiên tòa là không tuân thủ pháp luật và không có ý thức giữ gìn cuộc sống hôn nhân. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình H; về con chung: Giao con Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2010 và Nguyễn Đình Anh D, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2012 cho anh Nguyễn Đình H nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 750.000đ/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H yêu cầu nhưng anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra không giải quyết trong vụ án này. Anh H có quyền yêu cầu khởi kiện riêng. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Đình H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Đình H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình H.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau. Anh H chơi bời và nghiện ma túy. Vợ chồng mâu thuẫn Chị H về nhà bố mẹ đẻ ở khu H, thị trấn A, huyện A từ năm 2013 và sống ly thân với anh H từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị H xin ly hôn, anh H không đồng ý vì chưa giải quyết xong khoản nợ mua xe trả góp từ năm 2012. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2010 và Nguyễn Đình Anh D, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2012. Ly hôn Chị H nhất trí nhường anh H nuôi 02 con và chị cấp dưỡng nuôi mỗi con 750.000đ/tháng. Anh H có lời khai anh nhận nuôi 02 con và các con chung đều có ý kiến xin ở với anh H. Anh H nhất trí việc Chị H cấp dưỡng nuôi các con. Căn cứ việc xác minh tại địa phương và gia đình thấy anh H hiện có việc làm ổn định, có lương hàng tháng, có nơi ở ổn định và được sự hỗ trợ chăm chu đáo của bố mẹ anh đối với các cháu. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho anh H nuôi 02 con chung và Chị H cấp dưỡng nuôi mỗi con 750.000đ/tháng.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về công nợ: Anh H yêu cầu Chị H có trách nhiệm cùng anh trả số tiền nợ do mua xe Lead trả góp từ năm 2012 nhưng anh công nhận đã bán xe Lead và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về công nợ, Hội đồng xét xử tách ra giải quyết ở một vụ án khác khi anh H cung cấp được đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của anh.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2010 và Nguyễn Đình Anh D, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2012 cho anh Nguyễn Đình H nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi mỗi con 750.000đ/tháng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011322 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hạn thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn